

Bản án số: 38/2024/HSST
Ngày: 14/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;
2/ Ông Phạm Thành Đô;
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/ HSST ngày 12 tháng 4 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/ QĐXXST – HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Thành T, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre
Chứng minh nhân dân số: 083077008343 cấp ngày 04/02/2023
Nơi cư trú: Số nhà 593, ấp A, xã T, huyện Gi, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 cho đến nay (có mặt)
- Người bị hại: Ban quản lý đền Kim M.
Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Văn Thị Tuyết L, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/01/2024, Phan Thành T cùng với bà Nguyễn Thị Ngọc D đến đền “Kim M” thuộc khu Đ, thị trấn Đ, huyện B do bà Văn Thị Tuyết L làm Trưởng đền để dâng hương. Sau khi dâng hương, bà Nguyễn Thị Ngọc D đi thăm quan khu vực đền, còn Phan Thành T ở lại quan sát thấy trên cổ tượng mẹ “Kim Mẫu” có 01 sợi dây chuyền vàng (gồm 06 viên vàng hình tròn,

đường kính 01cm/viên). Phan Thành T nảy sinh ý định trộm cắp nên Phan Thành T đã dùng hai tay lấy trộm sợi dây chuyền vàng trên cổ tượng mẹ “Kim M”. Trong quá trình lấy trộm thì sợi dây chuyền vàng bị đứt, 06 viên vàng hình tròn này rơi xuống nền. Phan Thành T dùng tay nhặt được tổng cộng 06 viên cất giấu trong túi quần rồi ra gặp bà Nguyễn Thị Ngọc D và đi về nhà. Khi phát hiện bị mất tài sản, bà Văn Thị Tuyết L làm đơn trình báo Công an thị trấn Đ. Đến 15 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Phan Thành T đã mang 06 viên vàng hình tròn đến Công an thị trấn Đ, huyện B đầu thú, giao nộp. Công an thị trấn Đ, huyện B lập biên bản chuyển giao Cơ quan CSĐT - Công an huyện B điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

- Tại Kết luận giám định số: 1008/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (BL số 45) kết luận: 06 viên kim loại màu vàng, hình tròn, tổng khối lượng 7,9916 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au) trung bình: 61,32%, Bạc (Ag) trung bình: 18,01%, Đồng (Cu) trung bình: 19,52%.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B (BL: 40 - 41), kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm: 06 viên kim loại màu vàng, hình tròn, tổng khối lượng 7,9916 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au) trung bình: 61,32%, Bạc (Ag) trung bình: 18,01%, Đồng (Cu) trung bình: 19,52% có giá trị: 8.307.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số 43/CT – VKS.BĐ ngày 10/4/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phan Thành T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thành T phạm Tội trộm cắp tài sản. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thành T thừa nhận việc cung cấp lời khai tại Cơ quan điều tra – Công an huyện B là tự nguyện, không bị ép buộc và lời khai tại Cơ quan điều tra - Công an huyện B là đúng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Không có yêu cầu về mặt dân sự. Về hình phạt đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo lời khai của bị cáo có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa cho thấy vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/01/2024, Phan Thành T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 06 viên vàng hình tròn, đường kính 01cm/viên tại đền “Kim M” thuộc khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B (BL: 40 - 41), kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm: 06 viên kim loại màu vàng, hình tròn, tổng khối lượng 7,9916 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au) trung bình: 61,32%, Bạc (Ag) trung bình: 18,01%, Đồng (Cu) trung bình: 19,52% có giá trị: 8.307.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền đề tiêu xài bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Phan Thành T đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã trả lại 06 viên kim loại màu vàng, hình tròn, đường kính 01cm/viên cho đại diện hợp pháp của Đền Kim M là bà Văn Thị Tuyết L là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý Đền Kim M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có công việc ổn định, đang nuôi dưỡng con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các nội dung khác:

[8.1] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8.2] Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.3] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Phan Thành T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Phan Thành T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2024.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CQ CSĐT Công an h. BĐ;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS

Trần Thị Phương Hạnh